

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 313/2022/DS-PT

Ngày: 11-10-2022

V/v tranh chấp hợp
đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán:

Ông Trần Văn Quán

Bà Huỳnh Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 297/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 8 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 314/2022/QĐ-PT ngày 08 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Mai Thị Thu H, sinh năm 1960;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Đoàn Văn Phú D, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Ấp 3, xã B, huyện M, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1961;

Địa chỉ: 571/18 Khu phố 3, phường T, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn M, sinh năm 1974;

Địa chỉ: ấp Ông H, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Ông Đoàn Văn Phú D – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28-4-2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 27-9-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Mai Thị Thu H trình bày:

Vào ngày 10-3-2021 (al) bà có cho ông Đoàn Văn Phú D vay số tiền 700.000.000 đồng. Hai bên không thỏa thuận lãi suất, hẹn 30 ngày sau sẽ trả lại tiền. Khi vay các bên có làm biên nhận nợ, có chữ ký đầy đủ của hai bên. Tuy nhiên sau khi hết hạn 30 ngày, ông D vẫn chưa trả cho bà khoản tiền nào.

Việc ông D vay tiền của bà để cho ai vay thì bà không biết. Bà chỉ biết ông D có ký tên vay bà số tiền 700.000.000 đồng nên ông D phải có trách nhiệm trả lại cho bà. Bà cho ông D thời hạn 30 ngày để trả tiền, hết thời hạn bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Thời điểm bà giao tiền cho ông D vay thì ông D không nói về việc cho ông M vay lại. Sau đó khoảng một tháng rưỡi sau, ông D có chở bà đi Thanh Hóa chơi và giới thiệu ông M cho bà biết, khi đó bà mới biết việc ông D có cho ông M vay tiền.

Bà xác định bà chỉ cho một mình ông D vay, vợ ông D là bà Võ Thị Kiều Nga không liên quan, bà không yêu cầu bà Nga trả.

Nay bà yêu cầu ông D có trách nhiệm trả lại cho bà số tiền 700.000.000 đồng, và tiền lãi suất 10% năm thời gian tính lãi từ ngày 10-4-2021 (al) cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn ông Đoàn Văn Phú D trình bày:

Vào ngày 19-02-2021 ông có vay của bà H 700.000.000 đồng. Sau đó ông có trả tiền lãi cho bà H và đến ngày 10-3-2021 các bên chốt lại nợ gốc còn 700.000.000 đồng. Ông thừa nhận có vay bà H số tiền 700.000.000 đồng. Tuy nhiên số tiền này ông vay để cho ông Lê Văn M ở huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An vay lại. Khi vay tiền bà H, ông cũng có nói về việc cho ông M vay lại cho bà H nghe. Ông có dẫn bà H đến quán kem Nhiệt Đới của ông Đoàn Thanh S tại Khu phố 3, thị trấn Thanh Hóa, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An để chứng kiến việc ông cho ông M vay tiền. Số tiền ông cho ông M vay tổng cộng là 3.100.000.000 đồng, trong đó có 700.000.000 đồng ông vay từ bà H. Nay ông M đang vỡ nợ, chưa trả tiền lại được cho ông và hiện đang được công an tỉnh Long An thụ lý giải quyết. Nay ông đề nghị khi nào vụ án ông Lê Văn M được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết xong số tiền ông M vay ông, ông sẽ trả lại tiền cho bà H, còn hiện nay ông chưa có điều kiện trả.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê văn M trình bày:

Ông không biết và không vay tiền của bà H mà ông chỉ vay tiền của ông Đoàn Văn Phú D và ông M khẳng định chữ ký trong giấy xác nhận không ghi ngày tháng năm là không phải chữ ký của ông vì ông bị Công an tỉnh Long An tạm giam hơn một năm không gặp bất kỳ ai ở ngoài kể cả gia đình.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 184, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Thu H đối với ông Đoàn Văn Phú D.

Buộc ông Đoàn Văn Phú D phải có nghĩa vụ trả cho bà Mai Thị Thu H số tiền nợ gốc và lãi là 787.731.000 đồng (Bảy trăm tám mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi một ngàn) đồng.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25-7-2022, bị đơn ông Đoàn Văn Phú D kháng cáo, đề nghị xử phúc thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Nguyên đơn bà Mai Thị Thu H trình bày:

Bà xác định không có cho ông M vay tiền và không có giao dịch gì với ông M. Bà cho ông D vay tiền và ông D có ký nhận vào Biên nhận nợ. Sau đó khoảng một tháng rưỡi sau, ông D có chở bà đi Thạnh Hóa chơi và giới thiệu ông M cho bà biết, khi đó bà mới biết việc ông D có cho ông M vay tiền.

Bị đơn ông Đoàn Văn Phú D do ông Nguyễn Văn H1 đại diện trình bày:

Ông D có cho ông M vay 1.600.000.000 đồng, trong đó ông D cho ông M vay 900.000.000 đồng và bà H cho ông M vay 700.000.000 đồng. Việc vay tiền có ông Đoàn Thanh S làm chứng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đơn kháng

cáo của bị đơn trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Trong hồ sơ có hai giấy nợ ngày 19-02-2021 và ngày 10-3-2021 đều thể hiện bà H có cho ông D vay 700.000.000 đồng. Bà H chỉ khởi kiện giấy nợ ngày 10-3-2021, giấy nợ này có ông D ký nhận. Ông D cho rằng chỉ ký làm tin, thực tế do ông M vay tiền nhưng không có chứng cứ gì chứng minh. Ông M khai không biết bà H là ai và không có vay tiền của bà H. Bà H yêu cầu tính lãi theo đúng quy định của pháp luật. Kháng cáo của ông D là không có căn cứ chấp nhận, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn M đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Long An có đơn đề nghị xét xử vắng mặt thì Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Đơn kháng cáo của ông D được làm đúng theo quy định tại các điều 272, 273 và 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét thấy, tại “Biên nhận nợ” ngày 10-3-2021 có nội dung: ông Đoàn Văn Phú D có mượn của bà Mai Thị Thu H số tiền 700.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận, thời hạn trả 30 ngày, có bà H và ông D ký tên. Ông D cũng thừa nhận chữ ký dưới mục “Bên nhận nợ” là do ông ký. Ngoài ra, còn có “Biên nhận nợ” ngày 19-02-2021 cũng với nội dung như trên nhưng được bà H và ông D trình bày thống nhất như sau: Vào ngày 19-02-2021 ông D có vay của bà H 700.000.000 đồng. Sau đó ông D có trả tiền lãi cho bà H và đến ngày 10-3-2021 các bên chốt lại nợ gốc còn 700.000.000 đồng. Bà H chỉ khởi kiện đối với “Biên nhận nợ” ngày 10-3-2021.

[4] Ông D cho rằng ông không vay tiền của bà H mà người vay là ông M, ông chỉ viết biên nhận cho bà H để làm tin. Ông cũng là người trực tiếp nhận tiền lãi từ ông M để trả lãi cho bà H. Sự việc cho vay này có ông Đoàn Văn S biết và làm chứng, thấy rằng:

[5] Tại Biên bản ghi nhận ý kiến đương sự ngày 27-5-2021, ông D trình bày: “Vào ngày 19-02-2021 ông có vay của bà H 700.000.000 đồng. Sau đó ông có trả lãi cho bà H và đến ngày 10-3-2021 các bên chốt lại nợ gốc còn 700.000.000 đồng. Ông thừa nhận có vay bà H số tiền 700.000.000 đồng. Tuy nhiên số tiền này ông vay để cho ông Lê Văn M ở huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An vay lại ” - bút lục số 39.

[6] Tại Biên bản lấy lời khai ông Lê Văn M ngày 02-6-2022 và ngày 10-10-2022 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Long An, ông M xác định ông không biết bà H là ai; ông D có cho ông mượn tiền. Ông đang bị giam hơn một năm nên không có ký giấy gì của ông D. “Giấy xác nhận nợ” không ghi ngày tháng

năm không phải của ông, chữ ký và chữ viết không phải của ông - bút lục số 41. Ông hoàn toàn không có giao dịch mượn tiền của bà H từ trước đến nay, ông có mượn tiền của ông D khoảng hơn ba tỷ đồng nên ông chỉ có trách nhiệm đối với ông D, không có trách nhiệm gì với bà H. Ông S trình bày tại bản tự khai ngày 25-9-2022 là không đúng, ông không có nhận 700.000.000 đồng từ bà H, ông chỉ vay tiền của ông D và nhận tiền trực tiếp của ông D. Giữa ông S và ông D là anh em chú bác ruột. Việc lấy lời khai của ông M tại Trại giam Công an tỉnh Long An, do Thẩm phán tiến hành có thư ký ghi biên bản và có xác nhận của Giám thị Trại tạm giam, được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 97 và Điều 98 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[7] Ông Đoàn Văn S trình bày tại Bản tự khai ngày 15-4-2022 (đánh máy vi tính): qua lời nói chuyện của ông D và bà H ông biết được số tiền 1.600.000.000 đồng ông D và bà H cho ông M mượn trong đó có 700.000.000 đồng là của bà H; tại Bản tự khai ngày 25-9-2022 (đánh máy vi tính) do ông H1 là người đại diện hợp pháp của ông D cung cấp thì ông S trình bày: ông chứng kiến ông D bỏ ra 900.000.000 đồng, bà H bỏ ra 700.000.00 đồng hai người cùng đưa cho ông M vay. Xét thấy, lời khai của ông S không thống nhất, lúc thì trình bày ông biết được sự việc qua lời nói chuyện của ông D và bà H; lúc thì cho rằng ông có chứng kiến việc giao tiền. Ông M trình bày, giữa ông S và ông D là anh em chú bác ruột nên lời trình bày của ông S sẽ không khách quan.

[8] Từ những chứng cứ trên, có cơ sở xác định ngày 10-3-2021 (al) bà H có cho ông D vay 700.000.000 đồng và ông D có cho ông M vay lại. Bà H trình bày, từ ngày 10-3-2021 (al) hai bên có thỏa thuận lãi suất (2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày) nhưng ông D không có trả lãi. Ông D cho rằng ông M vay tiền của bà H nhưng không được bà H thừa nhận và ông D không có chứng cứ gì chứng minh. Do đó, trách nhiệm trả nợ cho bà H là của ông D; trách nhiệm trả nợ cho ông D là ông M, nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[9] Bà H yêu cầu trả lãi theo lãi suất 10% năm (0,83%/tháng) từ ngày 10-4-2021 (al) đến ngày tuyên án ngày 13-7-2022 là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi với số tiền 87.731.000 đồng ($700.000.000đ \times 0,83\% \times 15$ tháng 3 ngày) là không chính xác. Vì ngày 10-4-2021 (al) là ngày 21-5-2021 (dl) nên số tiền lãi là 79.791.000 đồng ($700.000.000đ \times 0,83\% \times 13$ tháng 22 ngày) mới đúng nên ông D chỉ phải trả cho bà H số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là 779.791.000 đồng và ông D chỉ phải chịu án phí sơ thẩm là 35.192.000 đồng. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã có Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 09/2022/TB-TA ngày 21-9-2022 nên không cần phải sửa bản án sơ thẩm mà giữ nguyên bản án sơ thẩm kèm theo Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án nêu trên.

[10] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Thu H. Buộc ông Đoàn Văn Phú D phải có nghĩa vụ trả cho bà Mai Thị

Thu H số tiền nợ gốc và lãi 779.791.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với các điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Ông D kháng cáo, đề nghị xử phúc thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là không có cơ sở.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[12] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông D là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đoàn Văn Phú D;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2022 kèm theo Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 09/2022/TB-TA ngày 21-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 184, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Thu H đối với ông Đoàn Văn Phú D.

Buộc ông Đoàn Văn Phú D phải có nghĩa vụ trả cho bà Mai Thị Thu H số tiền nợ gốc và lãi là 779.791.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi chín triệu bảy trăm chín mươi một nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đoàn Văn Phú D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 35.192.000 đồng.

Bà Mai Thị Thu H là người cao tuổi có đơn xin miễn tạm ứng án phí đã được miễn tạm ứng án phí.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Đoàn Văn Phú D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0010461 ngày 25-7-2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mộc Hóa để thi hành án phí.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thu

